TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/KDTM-PT
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp
Các Thẩm phán: Ông Lê Q Ninh
Ông Trần Văn Nhum

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 15/2023/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐXX-PT ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N; địa chỉ trụ sở: Ấp AH, xã AHĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An; người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc B – chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông HM Q, sinh năm 1975, địa chỉ: Văn phòng Luật sư HM, số 491, Quốc lộ A, phường TB, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QM; địa chỉ trụ sở: thôn TH, xã BN, huyện P, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đức T – Chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Trúc Q, sinh năm 1972, địa chỉ thường trú: Số 25, ngách 298/26 NL, quận LB, Thành phố Hà Nội, địa chỉ liên hệ: số 7/10 Đường A, khu ADC, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976, cư trú tại: ấp AH, xã AHĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An, có mặt.

- Ông Phạm Đức B1, sinh năm 1995, cư trú tại: TH, xã BN, huyện P, tỉnh Bình Phước, xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV N và bị đơn Công ty TNHH MTV QM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông HM Q trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N *(sau đây gọi tắt là Công ty NN)* với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QM *(sau đây gọi tắt là Công ty QM)* có quan hệ đối tác thường xuyên mua bán bã vỏ hạt điều với nhau. Ngày 24/8/2021, Công ty NN có mua một đơn hàng bã vỏ hạt điều của Công ty QM số lượng 1.000 tấn với giá 600 đồng 1 kg. Sau khi giao kết hợp đồng, ngay trong ngày, Công ty NN đã thanh toán đủ tiền hàng 600.000.000 đồng vào tài khoản số 6601100355006 Ngân hàng Qcủa Công ty QM. Sau đó, thị trường có thay đổi lớn về giá hàng hóa nên Công ty QM mới giao cho Công ty NN được 94.920 kg, tương đương với số tiền 56.952.000 đồng, số hàng còn lại Công ty NN đã không giao theo đúng thỏa thuận. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu H (là vợ của ông Lê Ngọc B-Giám đốc Công ty) đại diện Công ty NN tới Công ty QM gặp anh Phạm Đức B1 là người đại diện của Công ty QM để giải quyết. Theo đó, hai bên có lập một bản cam kết thời hạn Công ty QM phải giao hàng cho Công ty NN là từ 01/7/2022 đến ngày 31/8/2022, nếu Công ty QM không thực hiện như cam kết thì sẽ bị phạt gấp 03 lần số tiền bên Công ty NN đã toán cho Công ty QM. Đến hạn, Công ty QM đã không thực hiện việc giao hàng như 2 bên đã cam kết.

Vì vậy, Công ty NN khởi kiện yêu cầu Công ty QM phải trả cho Công ty NN số tiền hàng hóa đã nhận là 600.000.000 đồng và chịu phạt 1.200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền của 94.920 kg bã vỏ hạt điều Công ty đã nhận, thành tiền là 56.952.000 đồng. Số tiền Công ty NN còn yêu cầu Công ty QM phải trả là 543.048.000 đồng tiền hàng và 1.086.096.000 đồng tiền phạt theo thỏa thuận, tổng cộng: 1.629.144.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV QM và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị Trúc Q trình bày:

Bị đơn thừa nhận hai công ty có thỏa thuận mua bán lô hàng 1.000 tấn bã vỏ hạt điều, tại thời điểm, giá cả như nguyên đơn trình bày. Sau khi giao kết hợp đồng, Công ty QM đã giao cho Công ty NN được 94.920 kg, tương đương với số tiền 56.952.000 đồng. Sau đó, Công ty QM không giao hàng đúng thỏa thuận vì trong tháng 9/2021 và tháng 10/2021 anh Phạm Đức B1 (là con ông Phạm Đức T-Giám đốc Công ty) thông qua điện thoại trực tiếp và qua tin nhắn Zalo đã nhiều lần điện thoại yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H (là vợ của ông Lê Ngọc B-Giám đốc Công ty NN) tới Công ty QM lấy hàng nhưng Công ty NN không chịu

tới Công ty QM nhận hàng vì bà H muốn chờ giá bã vỏ hạt điều xuống thấp hơn. Tuy nhiên, sau đó bã vỏ hạt điều lại tăng giá nên Công ty QM không giao được hàng cho Công ty NN. Công ty QM xác định việc không giao được hàng là lỗi của Công ty NN.

Đối với văn bản cam kết do Công ty NN cung cấp cho Tòa án (BL 5) thì anh B1 không ký vào văn bản này nên không có giá trị pháp lý, mặt khác ông T mới là người đại diện theo pháp luật của Công ty QM, anh B1 chỉ là con ông T và là người làm chứ không có tư cách gì ký thay mặt công ty nên văn bản này cũng không có hiệu lực.

Mặc dù vậy, bản thân ông T đã chủ động điện thoại, gửi văn bản cho Công ty NN để thương lượng giải quyết, đồng ý trả lại số tiền hàng và đồng ý chịu lãi theo lãi suất Ngân hàng quy định nhưng Công ty NN không đồng ý mà khởi kiện ra Tòa.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Công ty NN thì Công ty QM chỉ đồng ý trả lại số tiền hàng tương đương với số tiền 543.048.000 đồng. Ngoài ra, Công ty QM không đồng ý với bất kỳ khởi kiện nào khác của Công ty NN.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức B1 trình bày:

Ngày 24/8/2021, giữa hai công ty có thỏa thuận mua bán đơn hàng bã vỏ hạt điều với số lượng, giá cả như nguyên đơn trình bày. Bên Công ty NN đã chuyển đủ số tiền mua hàng là 600.000.000 đồng, thời hạn giao hàng là 01 tháng, tức từ ngày 24/8 đến 24/9. Trong thời gian này, Công ty QM đã có đủ lượng hàng trong kho, anh B1 đã trực tiếp liên hệ với bà H yêu cầu Công ty NN lấy hàng nhưng Công ty NN không tới Công ty QM nhận hàng. Sau đó, anh B1 có nhắn cho bà H đề nghị hủy hợp đồng thì bà H không đồng ý. Đến tháng 11/2021, bà H có tới Công ty QM đàm phán thời gian nhận hàng. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/2021, Công ty QM đã giao cho Công ty NN khoảng 100 tấn hàng. Hai bên vừa giao hàng vừa đàm phán lại giá cả vì lúc thỏa thuận giá là 600đ/kg nhưng sau đó giá tăng lên 2.000đ/kg nên Công ty QM không giao hàng cho Công ty NN, vì giao sẽ bị lỗ. Bên Công ty NN (bà H) không đồng ý mà gây áp lực yêu cầu Công ty QM phải giao hàng. Đến tháng 3/2022, bên Công ty QM có soạn một bản cam kết gửi cho bà H để chốt lại thời gian giao hàng nhưng bà H không đồng ý. Sau đó, hai bên cùng im lặng, đến khoảng tháng 7/2022 bà H nhắn tin cho ông B1 đòi Công ty QM giao hàng. Lúc này, bà H gửi một bản cam kết phô tô có chữ ký và đóng dấu của công ty về việc cam kết giao hàng và nghĩa vụ chậm giao hàng. Anh B1 hoàn toàn không biết việc này, không hiểu sao bên bà H lại có văn bản cam kết này. Anh B1 không đồng ý với yêu cầu của Công ty NN. Anh B1 thống nhất với ý kiến của Công ty QM.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn nên không có lời khai khác với nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV QM phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH MTV N số tiền mua bán hàng hóa 543.048.000đ và số tiền phạt vi phạm hợp đồng 43.443.840đ. *Tổng cộng 586.491.840đ (năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm chín mốt nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).*

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp: 24.853.943đ (làm tròn 24.853.000đ) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000đ theo biên lại thu tiền số 0015952 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 11.147.000đ. Bị đơn phải nộp: 15.729.000đ.

Chi phí xác minh giá bã vỏ hạt điều: Bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.000.000đ cho nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2023, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Đức T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn có nghĩa vụ trả khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng. Ngày 17/10/2023, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Ngọc B có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên QM; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV N. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả lại tiền, không chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm và sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Công ty TNHH Một thành viên QM rút toàn bộ kháng cáo, chấp nhận trả lại cho công ty NN tiền hàng chưa giao và chịu phạt 8% trên giá trị số hàng hóa chưa giao là 543.048.000 đồng do chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Việc rút kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Đại diện Công ty NN và đại diện Công ty TNHH Một thành viên QM thừa nhận 2 công ty có quan hệ đối tác mua bán bã vỏ hạt điều với nhau từ những năm 2019, 2020. Khi 2 công ty ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, thường do bà Nguyễn Thị Thu H (là vợ của ông Lê Ngọc B-Giám đốc Công ty NN) đại diện cho Công ty NN và bà Bùi Thị Thanh Thúy (là vợ ông Phạm Đức T-Giám đốc Công ty QM) đại diện cho Công ty QM thực hiện. Sau khi vợ ông T mất (ngày 20/02/2021) thì ông T xác nhận, anh Phạm Đức B1 là con ông T bà Thúy thay mẹ tiếp tục đứng ra giao dịch mua bán hàng hóa với bà H. Căn cứ vào văn bản "chốt 1.000 tấn bã điều năm 2021" ngày 09/9/2022 (BL64), lời khai của ông T ngày 01/6/2023 (BL73), biên bản đối chất ngày 15/8/2023 (BL82), và lời trình bày của anh B1 trong quá trình giải quyết vụ án, đủ căn cứ xác định, sau khi bà Thúy vợ ông T qua đời thì ông T đã giao cho anh B1 thay mặt ông T thực hiện các giao dịch và các hoạt động kinh doanh của Công ty QM. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, trước khi ký kết hợp đồng ngày 21/8/2021 thì hai bên đã là đối tác của nhau nhiều năm. Sau khi bà Thuý (vợ ông T) qua đời thì các giao dịch, hoạt động của Công ty QM do anh B1 thực hiện. Vì vậy, Công ty QM phải chịu trách nhiệm về các giao dịch, hoạt động thương mại do anh B1 thực hiện nhân danh Công ty QM.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận, ngày 24/8/2021, bà H đại diện cho Công ty NN với anh B1 đại diện cho Công ty QM có thỏa thuận Công ty NN mua của Công ty QM 1.000 tấn bã vỏ hạt điều, giá 600 đồng 1kg. Ngay trong ngày, Công ty NN đã chuyển đủ số tiền hàng 600.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty QM. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty QM đã giao được 94.920 kg hàng, tương đương số tiền 56.952.000 đồng cho Công ty NN. Sau khi 2 công ty giao nhận được 94.920 kg hàng cho nhau thì việc giao nhận hàng không tiếp tục được thực hiện do 2 công ty không thống nhất được giá cả và thời gian giao hàng. Bà H và anh B1 có trao đổi qua lại với nhau nhiều lần nhưng không chốt được các nội dung trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại số tiền hàng 543.048.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đồng ý hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn, nên cần ghi nhận buộc bị đơn phải hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn theo quy định.

[5] Đối với yêu cầu số tiền phạt 1.086.096.000 đồng: Nguyên đơn cho rằng số tiền này được hai bên chốt lại từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Cụ thể, theo bản cam kết 01/6/2022 thì bên Công ty QM đã chấp nhận chịu phạt gấp 3 lần giá trị

tiền hàng nên khoản này đã được chuyển thành thỏa thuận về nghĩa vụ dân sự, nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết. Xét thấy, hợp đồng mua bán hàng hoá là bã vỏ hạt điều được hai bên thỏa thuận vào ngày 24/8/2021 là hợp đồng thương mại, bên mua đã trả đủ tiền, còn bên bán tính đến thời điểm 16/3/2022 (thời điểm hai bên gửi bản cam kết cho nhau) vẫn chưa giao đủ hàng nên hợp đồng mua bán hàng hoá này chưa được các bên thực hiện xong. Trong bản cam kết có chữ ký Phạm Đức B1, con dấu của Công ty QM cũng thể hiện nội dung thời hạn giao hàng từ 01/7/2022 đến ngày 31/8/2022, nhưng hết hạn Công ty QM vẫn không giao được hàng. Qua xem xét tin nhắn zalo các bên gửi cho nhau thì lý do là giá bã vỏ hạt điều lên quá cao so với giá ban đầu. Như vậy, Công ty QM đã vi phạm thời hạn giao hàng. Đối với việc các bên cam kết phạt gấp 3 lần tiền hàng, ông B1 trình bày ông không thoả thuận nội dung này với Công ty NN, tuy nhiên nếu hai bên có thoả thuận này thì đây cũng chỉ là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng thương mại chứ không phải là việc chốt lại số tiền thiệt hại như nguyên đơn trình bày nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền này không được chấp nhận. Trường hợp này cần áp dụng Điều 301 của Luật Thương mại về phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại, theo đó việc phạt vi phạm không được vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Cụ thể, Công ty QM vi phạm thời hạn giao hàng thì cần buộc Công ty QM phải chịu mức phạt do vi phạm hợp đồng thương mại 8% trên số tiền hàng còn lại là 543.048.000 đồng cho Công ty NN, thành tiền là 43.443.840 đồng.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Khai thác xây dựng NN. Cần giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm tính sai án phí nên cần tính lại cho đúng như sau:

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền 1.042.652.000 đồng không được chấp nhận, thành tiền là 43.279.560 đồng;

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền 586.491.840 đồng phải trả cho nguyên đơn, thành tiền là 27.459.673 đồng.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xác minh giá bã vỏ hạt điều 2.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng này nên bị đơn phải hoàn trả lại tiền nguyên đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn.

[9] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn Công ty NN không được chấp nhận còn bị đơn Công ty QM rút đơn kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm nên cả hai công ty phải chịu theo quy định.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên QM.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên N.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại số 06/2023/KDTM-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các điều 4, 24, 34, 37, 292, 300, 301 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự; các điều 12, 74, 76, 77, 82 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên QM trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên N số tiền mua bán hàng hóa là 543.048.000 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng 43.443.840 đồng. Tổng cộng là 586.491.840 *(năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm bốn mươi)* đồng.

2. Sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm như sau:

- Nguyên đơn phải chịu 43.279.560 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0015952 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nguyên đơn còn phải nộp là 7.279.560 (*bảy triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi*) đồng.

- Bị đơn phải chịu 27.459.673 (*hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi ba*) đồng.

3. Chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty QM phải trả lại cho nguyên đơn Công ty NN 2.000.000 (*hai triệu*) đồng.

4. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Bị đơn Công ty QM phải chịu 2.000.000 (*hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016415 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn Công ty NN phải chịu 2.000.000 (*hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016441 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tiến Hiệp